

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
13	Đường Nguyễn Trung Trực	1	Giáp đường Đoàn Thế Trung	Hết ranh đất Trường Tiểu học	550
14	Đường Xóm 5	1	Giáp đường Đoàn Thế Trung	Giáp Khu đất ông Hai Tầng	1.050
15	Đường 1/5	1	Suốt tuyến		500
16	Đường nhánh rẽ Rạch Vẹt - Rạch Sung	1	Giáp đường 1 tháng 5	Rạch Sung	500
17	Đường ô tô đi An Thạnh Đông	1	Giáp đường Hùng Vương	Sông Bến Bạ	1.500
18	Đường đal (đất ông Út phiếu)	1	Giáp đường bên hông chợ Bến Bạ	Rạch Thông Hào	1.800
19	Đường đal (đường 3/2 nối dài)	1	Giáp đường Hùng Vương	Sông Cồn Tròn	600
20	Đường Rạch Lá	1	Giáp Đường 3 tháng 2	Giáp đường Rạch Già lớn	500
21	Đường đal (Cầu Bến Bạ - Trại Cua ông Diệu)	1	Cầu Bến Bạ	Hết ranh đất trại cua ông Diệu	1.700
22	Hèm (đất ông Mau)	1	Đường Đoàn Thế Trung	Rạch Thông Hào	1.300
23	Hèm (đất ông 9 Mỹ)	1	Đường Đoàn Thế Trung	Rạch Thông Hào	1.300
II	XÃ AN THẠNH 1				
1	Quốc lộ 60	KV1-VT1	Bến phà phía sông Đại Ngãi	Bến phà phía Sông Trà Vinh	2.000
2	Đường Tỉnh 933B	KV1-VT1	Bến phà Kinh Đào	Đầu lộ đal Rạch Su	1.500
		KV1-VT3	Đầu lộ đal Rạch Su	Hết đất HTX Hoàng Dũng	1.000
		KV1-VT2	Giáp đất HTX Hoàng Dũng	Lộ đal rạch Sâu (giáp ranh xã An Thạnh Tây)	1.200
3	Đường trung tâm xã	KV1-VT3	Giáp ngã ba đường Tỉnh 933B	Bến phà Long Ân (Hết đất Cơ sở giáo dục Cồn Cát)	650
4	Huyện lộ 11	KV2- VT3	Đường trung tâm xã	Đê Tả hữu	300
5	Đường đal Kinh Đào	KV1-VT3	Đầu ranh đất ông Ba Mạnh	Hết ranh đất ông Chuông	800
6	Đường đal Rạch Miếu	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Bảy Tự	Hết ranh đất Bến Đình	450
7	Đường đal Rạch Đồi	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Thoàn	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Sự (phía trên)	500
8	Đường đal Rạch Trầu	KV2-VT1	Đầu ranh đất Hồng Văn Y	Đê Tả hữu	500
9	Đường đal Rạch Su	KV2-VT1	Đầu ranh đất Tư Kiệt	Đê Tả hữu	500
10	Đường Trường Tiền Nhỏ	KV1-VT3	Đầu ranh đất ông Tùng	Giáp Quốc lộ 60	650
		KV1-VT3	Quốc lộ 60	Tỉnh lộ 933B	650

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
11	Đường đal Rạch Vượt (phía trên)	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Tư Hoàng	Hết ranh đất ông Năm Minh	500
12	Đường đal xóm chùa	KV2-VT1	Đầu đất ông Đào Văn Oanh	Giáp huyện lộ (chợ Long Ân)	500
13	Đường đal Mương Cũi	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Sáu Điền	Hết ranh đất Ba Rệt	500
		KV2-VT1	Giáp ranh đất ông Ba Rệt	Đường nhựa trung tâm xã	500
		KV2-VT2	Đầu ranh đất ông Hà Văn Nghĩa	Hết ranh đất ông Đào Văn Đẹp	450
14	Đường đal Rạch Trê	KV2-VT2	Đầu ranh đất ông Cần	Hết ranh đất ông Chấn	450
		KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Trong	Cầu Rạch Trê	500
15	Đường đal Rạch Sâu	KV1- VT2	Đầu ranh đất ông Huỳnh	Giáp ranh Cầu nhà Út Gia	700
15	Đường đal Rạch Gừa - Thầy Phó	KV2- VT3	Đầu ranh đất ông Nguyễn Minh Lộc	Đê Tả hữu	300
16	Đường đal Trường Tiền Lớn	KV2- VT2	Đầu đất ông Phan Văn Út	Hết ranh đất bà Mai Thị Chua	300
17	Đường đal Rạch Trại - KDC	KV2- VT2	Đầu đất ông Nguyễn Thanh Lâm	Hết đường đal	300
18	Đường đal đê Tả hữu	KV2- VT1	Đầu đất ông bà Huỳnh Kim Hoàng	Hết ranh đất bà Hồ Thị Chín	500
19	Đường đal Rạch Ông Cột	KV2- VT2	Cầu Rạch Ông Cột	Hết ranh đất ông Võ Văn Phong	350
20	Đường đal Long Ân - Cây Bần	KV2- VT2	Giáp đường Tỉnh 933B	Cầu Trại Giồng	300
21	Đường đal Long Ân - Cồn Cát	KV2- VT2	Giáp Ngã tư đường trung tâm xã	Hết đường đal	300
22	Đường đal nhánh rẽ cồn Long Ân	KV2- VT2	Giáp Ngã ba đường trung tâm xã	Hết đường đal	300
23	Đường đal đê Tả hữu	KV2- VT3	Cồn Long Ân	Giáp cơ sở Giáo dục Cồn Cát	300
24	Các tuyến đường đal đê Tả hữu còn lại	KV2- VT3	Suốt tuyến		300
25	Đường đal Trường Tiền lớn (đoạn 2)	KV2- VT2	Đầu ranh đất ông Võ Văn Thành	Cầu ngang rạch Trường Tiền lớn	350
26	Đường đal Thầy Phó	KV2- VT2	Đầu ranh đất ông Lâm Văn Bình	Cầu Thầy Phó ra đê bao	350
27	Đường đal Rạch Vượt (phía dưới)	KV2- VT2	Đầu ranh đất ông Tám Rờ	Cầu Ngã Cạy	350

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
28	Đường đal Rạch Vượt (phía dưới)	KV2- VT2	Cầu Ngã Cạy	Đê Tả hữu	350
29	Đường đal Rạch Trâm - Đê	KV2- VT2	Đầu ranh đất ông Thang	Hết ranh đất ông Út Nhỏ	350
30	Đường nhánh rẽ Quốc lộ 60 - Rạch Su	KV1-VT3	Đầu ranh đất ông Thịnh	Đường đal Rạch Su	650
31	Đường đal Rẫy Mới	KV2- VT2	Đầu ranh đất ông Nguyễn Văn Kiệt	Hết đất ông Nguyễn Văn Thà	300
32	Đường đal Trường Tiền nhỏ	KV2- VT3	Đầu ranh đất ông Nguyễn Văn Nương	Hết đất ông Hồ Triệu Luật	350
33	Đường đal vào bãi xử lý rác	KV2- VT2	Tỉnh lộ 933B	Hết đất bãi xử lý rác xã An Thạnh 1	350
34	Đường đal xóm Rẫy	KV2- VT3	Đầu ranh đất bà Trần Thị Thu Hồng	Hết ranh đất ông Phạm Thanh Hiền	300
		KV2- VT3	Giáp đất ông Phạm Thanh Hiền	Hết đất ông Đào Văn Đẹp	300
35	Đường trục chính hội đồng Rạch Miếu (phía trên)	KV2- VT3	Giáp đường đal Rạch Miếu	Đê Tả hữu	300
36	Đường trục chính hội đồng Rạch Miếu - Rạch Cui	KV2- VT3	Cầu Rạch Miếu	Giáp Trường Tiền lớn	300
III	XÃ AN THẠNH TÂY				
1	Đường Tỉnh 933B	KV1-VT1	Giáp ranh xã An Thạnh 1	Hết đất ông Huỳnh Văn Thử (Giáp đường đal Bần Xanh)	1.200
		KV1- VT2	Giáp đường đal Bần Xanh	Giáp ranh thị trấn Cù Lao Dung	1.100
2	Lộ đal Rạch Sâu	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Biện	Cầu Chín Khánh	550
3	Lộ đal Rạch Tàu	KV2-VT1	TL 933B	Bến phà Bắc Trang	400
		KV2-VT2	Đầu ranh đất ông Trần Văn Kiệt	Rạch già nhỏ	350
4	Hết đất lộ đal Rạch Già	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Trương Ngọc Chiêu	Hết đất ông Phan Văn Tấn	350
5	Lộ đal Rạch Già nhỏ (phía trên)	KV2-VT1	Giáp đường Tỉnh 933B	Đê Tả hữu	400
6	Lộ đal Rạch Già nhỏ (phía dưới)	KV2-VT1	Giáp đường Tỉnh 933B	Đê Tả hữu	400
7	Lộ đal Rạch Già lớn	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Đoàn Thanh Phong	Giáp Tỉnh lộ 933B	400

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
8	Lộ đal Bần Xanh	KV2-VT2	Giáp đường Tỉnh 933B	Hết ranh đất ông Hai Thanh	350
9	Lộ đal Bần Xanh (phía dưới)	KV2-VT3	Giáp đường Tỉnh 933B	Hết ranh đất ông Phạm Văn Giang	300
10	Lộ đal Bình Linh	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Trương Văn Phiến	Bến phà Bình Linh	350
11	Lộ đal Bình Linh (phía trên)	KV2-VT2	Đầu ranh đất nhà sinh hoạt cộng đồng ấp An Lạc	Hết ranh đất nhà ông Đoàn Văn Hùng	350
12	Lộ đal An Phú	KV1-VT3	Đầu ranh đất ông Đoàn Văn Giàu	Bến đò Cồn Chén	400
13	Đường đal đê Tả hữu	KV2-VT3	Cù Lao Nai	Giáp ranh xã Đại Ân 1	300
14	Đường đal đê Tả hữu	KV2- VT3	Rạch Sâu	Rach Sung	300
15	Lộ đal An Phú	KV2-VT1	Đầu ranh đất bà Ngô Thị Phương	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Bê	350
16	Lộ đal An Phú	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Ngô Văn Nhân	Cầu Bà Hành	350
17	Lộ Cồn Chén An Phú	KV2- VT3	Từ Cầu Đúc giáp xã Đại Ân 1	Cầu giáp xã Đại Ân 1	300
18	Lộ đal An Phú A	KV2-VT1	Cầu Bà Hành	Đê Tả hữu	350
19	Đường ô tô trung tâm xã Đại Ân 1	KV2- VT2	Đầu ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Bình	Đê Tả hữu	300
		KV2-VT1	Giáp ranh ranh đất ông Nguyễn Văn Bình	Cầu Đúc	350
		KV2- VT2	Cầu Đúc	Cầu Treo giáp xã Đại Ân 1	300
20	Lộ đal rạch Sung	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Phạm Thanh Hồng	Đê Tả hữu	350
21	Đường đal An Phú	KV2- VT2	Đầu ranh đất bà Lê Thị Đẹp	Bến đò qua rạch Già Lớn	300
22	Đường đal Đầu Lá An Lạc	KV2- VT1	Đầu ranh đất ông Huỳnh Văn Chác	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Sứ	350
23	Lộ đal rạch ông Cột	KV2- VT2	Đầu ranh đất ông Trần Văn Đáng	Hết ranh đất ông Trần Huệ Em	300
IV	XÃ AN THẠNH 2				
1	Đường Tỉnh 933B	KV1- VT1	Cầu kinh Đình Trự (giáp thị trấn Cù Lao Dung)	Hết đất Nghĩa trang liệt sĩ	1.200
		KV1- VT2	Giáp đất nghĩa trang liệt sĩ	Giáp đường 933	900
		KV2- VT2	Giáp đường 933	Cầu Rạch Lớn (ấp Bình Du B)	600
		KV2- VT1	Cầu Rạch Lớn	Cầu Bà Chủ	700
		KV1- VT3	Cầu Bà Chủ	Đầu lộ đal xóm mới	800
		KV2-VT3	Giáp ranh lộ đal xóm mới	Rạch Mù U (giáp xã An Thạnh 3)	500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
2	Đường Tỉnh 933 đi Đại Ân 1	KV1-VT3	Đường Tỉnh 933B	Cầu Cồn Tròn	650
3	Đường đal xóm Rẫy	KV2 -VT1	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Phạm Thành Hôn B)	300
4	Đường đal xóm Mới	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Du B)	250
5	Đường đal Bà Kẹo (Chùa Kostung)	KV2 -VT2	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Sơn Ton)	250
6	Đường đal Mù U	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Danh B)	250
7	Đường đal Bà Kẹo - Mù U	KV2 -VT3	Giáp đường đal Bà Kẹo	Giáp đường đal Mù U	250
8	Đường đal Đầu Bần	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Phạm Thành Hôn B)	250
9	Đường đal Rạch Dầy	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Du A)	250
10	Đường đal bà Chủ	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp bình Du B)	250
11	Đường đal bà Kẹo (Tuyến sông Cồn Tròn)	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Sơn Ton)	250
12	Đường đal mương ông Tám	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Phạm Thành Hôn B)	250
13	Đường đal bà Cả	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Danh A)	250
14	Đường đal Công Điền	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Sơn Ton)	250
15	Đường đal Đầu Bần	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Du A)	250
16	Đường đal Rạch Lớn	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Du B)	250
17	Đường đal Rạch Lớn - Xóm Mới	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Du B)	250
18	Đường đal Xóm Bãi	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Du B)	250
19	Đường đal Bần Một	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Danh A)	250
20	Đường đal Bảy Chí	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Phạm Thành Hôn A)	250
21	Đường đal xóm 3	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Phạm Thành Hôn B)	250
22	Đường đal xóm Đạo	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Phạm Thành Hôn B)	250
23	Đường đal ông Lâm	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (đê Tả Hữu)	250
24	Đường GTNT Rạch Nai	KV2 -VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (đê Tả Hữu)	250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
V	XÃ AN THẠNH 3				
1	Đường bên hông chợ Rạch Tráng	ĐB	Đầu ranh đất ông Út Nhịn	Hết ranh đất Trang Văn Gầm	2.100
		ĐB	Đầu ranh đất ông Ứng	Hết ranh đất Lương Hoàng Thiện	2.100
2	Lộ đal trước chợ Rạch Tráng	ĐB	Đầu ranh đất Trương Văn Khâm	Hết ranh đất Nguyễn Văn Ân	2.100
3	Đường đal sau chợ Rạch Tráng	KV1 -VT1	Đầu ranh đất ông Nghĩa	Hết ranh Nhà ông Minh và ông Ngon	1.700
4	Đường đal mé sông	KV1 -VT1	Đầu ranh đất Sáu Cứng	Xẻo Ông Đồng	1.800
5	Đường đal	KV1-VT1	Đầu ranh đất Mười Phần	Hết ranh đất ông Gầm	1.500
		KV1-VT2	Giáp đường Tỉnh 934	Giáp ranh đất ông Gầm	1.000
6	Tỉnh lộ 933B	KV2 -VT2	Giáp đường đal Mù U giáp ranh An Thạnh II	Hết ranh đất Tư Trực	500
		KV2 -VT1	Giáp ranh đất ông Tư Trực	Lộ đal ông Sáu	700
		KV1 -VT3	Lộ đal ông Sáu	Hết ranh đất ông Chong	900
		KV1 -VT1	Giáp ranh đất ông Chong	Hết ranh đất ông Oanh	1.700
		KV1 -VT2	Đầu ranh đất Tư Giây	Hết ranh đất Trương Văn Hùng	1.200
		KV2 -VT1	Giáp ranh đất ông Trương Văn Hùng	Lộ đal Rạch Chồi	700
		KV2 -VT2	Lộ đal Rạch Chồi	Hết ranh đất Hai Trừ	500
		KV2 -VT2	Đầu ranh đất Hai Việt	Cầu Kinh Xáng	400
7	Đường đal	KV1 -VT2	Rạch Mương Cột	Hết đất Quán Sang	600
8	Đường đal Trạm Y tế	KV1 -VT1	Đầu ranh đất ông Tư Tà	Hết ranh đất Trại Cua Út Lắm	1.200
		KV1- VT2	Giáp ranh Trại cưa Út Lắm	Rạch Mương Cột	650
9	Đường Tỉnh 934	KV1 -VT2	Cầu Mới	Cầu Ba Hùm	550
		KV1 -VT3	Cầu Ba Hùm	Cầu Rạch Voi	500
10	Đường đal ông Tám	KV1 -VT2	Đầu ranh đất thầy Vũ	Cầu Bà Hời	550
		KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Kiên	Hết ranh đất ông Minh	250
11	Đường đal An Quới	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Khởi	Hết ranh đất ông Cảnh	250
12	Đường đal ông Sáu	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Thọ	Hết ranh đất ông Sáu	250
13	Đường đal Mù U	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Diệp	Hết ranh đất ông Nam	250
14	Đường đal rạch Chồi	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Đô	Hết ranh đất ông Tuấn	250
15	Đường đal Biên phòng 634	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Mới	Hết ranh đất ông Tròn	250
16	Đường đal 416	KV2 -VT3	Đầu ranh đất bà Liên	Cầu 8 Bực	250
17	Đường đal Vàm Hồ	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Long	Hết ranh đất ông Phận	250
18	Đường đal ngọn Rạch Chốt	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Thạch Rét	Hết ranh đất ông Dương Văn Cường	250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
19	Đường GTNT Rạch Chốt 1	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Trần Văn Minh	Hết ranh đất ông Trần Văn Cò	250
20	Đường đal Vàm Rạch Tráng	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Hà Văn Cò	Hết ranh đất ông Trương Văn Tặng	250
21	Đường GTNT Ruột Ngựa	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Ngô Văn Bồi	Hết ranh đất ông Lê Văn Núi	250
22	Đường GTNT Ruột Ngựa 2	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Phan Văn Ngọc	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Khởi	250
23	Đường GTNT Ngã Cái	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Trần Bình Luận	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Phương	250
24	Đường GTNT An Nghiệp	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông Ngô Văn Trào	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Chính	250
VI	XÃ AN THẠNH NAM				
1	Đường Tỉnh 934 - 933B	KV1 -VT1	Giáp đê bao biển	Hết ranh đất Út Hậu	800
		KV1 -VT2	Giáp ranh đất Út Hậu	Cầu Năm Lèn	750
		KV1 -VT3	Cầu Năm Lèn	Cầu Năm Tiền	700
		KV2 -VT1	Cầu Năm Tiền	Cầu Rạch Voi	500
2	Các tuyến đường đal trên địa bàn xã	KV2 -VT2	Đầu ranh đất UBND xã	Hết ranh đất Chín Trường	350
		KV2 -VT2	Cầu rạch Bùng Binh	Bến phà Ba Hùng	350
		KV2 -VT2	Cầu Tám Bực	Cầu T80	350
		KV2 -VT2	Cầu Cây Mắm	Hết ranh đất Năm Khai	350
		KV2 -VT2	Cầu Rạch Năm Tiền	Hết ranh đất ông Ba Sơn	350
		KV2 -VT2	Đầu ranh đất Trường Mầm non Hoa Sen	Hết ranh đất ông Tài	350
		KV2 -VT2	Đầu ranh đất ông Ngọt	Hết ranh đất ông Tuấn	350
		KV2 -VT2	Cầu Rạch Su	Hết ranh đất ông Ngọc	350
3	Các tuyến đường đal trên địa bàn xã	KV2 -VT2	Cầu Năm Tiền	Hết ranh đất ông Tòng	350
		KV2 -VT2	Cầu Năm Tới	Hết ranh đất Cô Ngọc	350
		KV2 -VT2	Cầu Năm Lèn	Hết nhà đất Tư Nam	350
		KV2 -VT2	Cầu Thạch Lãnh (giai đoạn 3)	Đường Tỉnh 933B	350
		KV2 -VT2	Cầu vuông 35A	Đê bao biển	350
4	Lộ nhựa rạch ông Sum	KV2 -VT2	Giáp Tỉnh lộ 933B	Hết đất ông Hới	350
5	Lộ đal rạch Sáu Vắn	KV2 -VT2	Giáp Tỉnh lộ 933B	Miếu Sáu Vắn	350
6	Lộ đal	KV2 -VT2	Giáp Tỉnh lộ 933B	Cổng số 4	350
7	Lộ đal kênh Sáu Thước	KV2 -VT2	Giáp Tỉnh lộ 933B	Hết ranh đất ông Thành	350
VII	XÃ AN THẠNH ĐÔNG				
1	Đường đal UBND xã	KV2 -VT1	Cầu Lòng Đầm	Bến phà Lòng Đầm	450
2	Đường đền thờ Bác	KV2 -VT1	Cầu Lòng Đầm	Bến phà cũ	450
3	Lộ tè Vàm Tắc	KV2 -VT2	Cầu Lòng Đầm	Bến phà Vàm Tắc	300

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
4	Đường trung tâm xã (đường ô tô)	KV1 -VT1	Cầu Bến Bạ	Ngã ba ấp Chương Công Nhật	1.000
		KV1 -VT2	Ngã ba ấp Chương Công Nhật	Cầu Lòng Đàm	800
5	Đường trung tâm xã	KV1 -VT1	Giáp đường ô tô	Hết đường (ấp Đặng Trung Tiến)	600
		KV1 -VT2	Cầu Lòng Đàm	Hết ranh đất Điền Văn Toàn	500
		KV1 -VT3	Giáp ranh đất Điền Văn Toàn	Cầu Rạch Giữa	400
		KV2-VT1	Cầu Rạch Giữa	Hết đường	350
6	Lộ tè Bến Đá	KV2-VT1	Đường trung tâm xã	Hết đường	350
7	Lộ tè Rạch Giữa	KV2-VT1	Đường trung tâm xã	Hết đường	350
8	Đường đal bến phà Rạch Tráng	KV2-VT2	Giáp đường trung tâm xã	Bến phà Rạch Tráng (phà 6 Giao)	300
9	Đường bến phà Bến Bạ	KV2-VT2	Giáp đường trung tâm xã	Hết đường	300
10	Lộ tè Xóm 6 (ấp Trương Công Nhật)	KV2-VT2	Giáp đường bến phà Bến Bạ	Hết đường	300
11	Đường đal khu dân cư số 1 ấp Đặng Trung Tiến	KV2-VT1	Giáp đường trung tâm xã	Hết đường	350
12	Đường đal Bến đồ ông Trạng	KV2-VT1	Giáp đường trung tâm xã	Hết đường	350
13	Đường đal nhà ông Ba Bò	KV2-VT3	Giáp đường trung tâm xã	Hết đường	250
14	Đường đal KDC số 3 (ấp Nguyễn Công Minh)	KV2-VT3	Giáp đường trung tâm xã	Hết đường	250
15	Đường Đê bao Tả - Hữu	KV2-VT3	Suốt tuyến		250
16	Lộ đal ông Ba Sắn	KV2-VT3	Huyện lộ An Thạnh Đông	Sông Trà Vinh	250
17	Lộ đal Rạch Đùi ấp Lê Châu B	KV2-VT3	Huyện lộ An Thạnh Đông	Sông Trà Vinh	250
18	Đường GTNT cuối lộ trung tâm đến đê bao	KV2-VT3	Cuối lộ trung tâm	Đê bao ấp Tân Long	250
VIII	XÃ ĐẠI ÂN 1				
1	Đường nhựa 933	KV1- VT2	Cầu Cồn Tròn	Hết ranh đất cây xăng Võ Hoàng Khải	600
		KV1- VT1	Giáp đất cây xăng Võ Hoàng Khải	Bến phà đi Long Phú	750
2	Đường đal Xã Bảy	KV2-VT2	Đầu ranh đất UBND xã (cũ)	Giáp đường trung tâm xã	350
3	Đường đal (chợ cũ Xã Bảy)	KV2-VT2	Giáp sông Hậu	Hết đường đal	350
		KV1-VT1	Đầu ranh đất Trạm Y Tế	Hết đất Phan Văn Thống	600

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
4	Đường trung tâm xã	KV1- VT2	Cầu Rạch Đáy	Hết đất Huỳnh Văn Hào	400
		KV1- VT2	Giáp đất Huỳnh Văn Hào	Cầu Kinh Đào (đường Tỉnh 933)	400
		KV1- VT3	Cầu Kinh Đào (đường Tỉnh 933)	Cầu treo khém Bà Hành (ấp Văn Sáu)	300
		KV2- VT1	Đầu ranh đất ông Thống	Hết đất Trường THCS Đại Ân 1 (điểm nhà ông Lập)	350
		KV1- VT2	Giáp Trường THCS Đại Ân 1 (điểm nhà ông Lập)	Hết đất bà Phan Thị Lon	400
		KV1- VT3	Đầu ranh nhà Phan Thị Lon	Hết đường lộ trung tâm (cuối ấp Nguyễn Tăng)	300
5	Đường đal Nhà thờ	KV2-VT1	Giáp đường Trung tâm xã	Rạch Nhà thờ	350
6	Đường đal Cây bàng	KV2-VT2	Giáp đường trung tâm xã	Hết đất ông Tư Cảnh (ấp Nguyễn Tăng)	300
7	Đường đal rạch Hai Lồng	KV2-VT2	Giáp đường trung tâm xã	Hết đất ông Nguyễn Văn Diệp	300
8	Đường đal Tư Ngộ	KV2-VT2	Giáp đường trung tâm xã	Đất ông Nguyễn Văn Độ (ấp Văn Tổ B)	300
9	Đường đal Rạch lớn	KV2-VT2	Giáp đường trung tâm xã	Hết đất Miếu thờ Rạch Lớn (ấp Văn Tổ)	300
10	Đường đal Bàn Cầu	KV2-VT2	Cầu treo Khém Bà Hành (ấp Văn Sau)	Hết ranh đất ông Bùi Dũng	300
11	Đường đal Kênh Xáng	KV2-VT2	Giáp đường trung tâm xã	Hết đất ông Huỳnh Văn Đơ	300
12	Đường đal CIDA	KV2-VT2	Giáp đường trung tâm xã	Sông Cồn Tròn	300
13	Đường đal Sáu Tịnh	KV2-VT2	Giáp đường trung tâm xã	Bến phà Xóm Mới	300
14	Đường đal Xẻo Sú	KV2-VT2	Giáp đường trung tâm xã	Sông Cồn Tròn	300
15	Đường đal Khai Luông	KV2-VT2	Giáp đường trung tâm xã	Hết ranh đất bà Tư Sang	300
16	Đường đal Rạch Đôi	KV2-VT2	Giáp đường trung tâm xã	Sông Cồn Tròn	300
17	Đường đal Chủ Đài	KV2-VT2	Giáp đường trung tâm xã	Hết ranh đất bà Tư Sang	300
18	Đường đal Khai Luông (sông Cồn Tròn)	KV2-VT2	Giáp cầu nối đường trung tâm xã	Tiếp giáp đê bao	300
19	Đường đal Kênh Đào 1	KV2-VT2	Giáp đường trung tâm xã	Cầu Cồn Tròn	300
20	Đường đal Bàn Cầu (xã An Thạnh Tây)	KV2-VT2	Giáp lộ Bàn Cầu	Cầu qua xã An Thạnh Tây	300
21	Đường đal Rạch Lớn (ấp Nguyễn Tăng)	KV2-VT2	Giáp đường trung tâm xã	Đê bao Tả - Hữu	300
22	Đường đal lộ trung tâm - Đê bao	KV2-VT2	Giáp lộ Rạch lòng	Đê bao Tả - Hữu	300

SỐ TỰ

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
23	Lộ đal Rạch ông Hai	KV2-VT3	Huyện lộ 60	Đê Tả Hữu	250
24	Huyện lộ 60	KV2-VT2	Huyện lộ 60	Đê Tả Hữu	300
G	HUYỆN THANH TRỊ				
I	THỊ TRẤN PHÚ LỘC				
1	Đường Văn Ngọc Chính	1	Cầu Phú Lộc	Đường Lý Thường Kiệt	3.100
		2	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trung Trực	3.000
		3	Đường Nguyễn Trung Trực	Hết ranh đất Ông Chánh	1.000
		4	Cầu Phú Lộc	Ngã ba kênh Bào Lớn	900
2	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1	Quốc lộ 1A	Cầu Bào Lớn	850
3	Đường 1/5	1	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30/4	3.100
4	Đường Nguyễn Đức Mạnh	1	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30/4	3.500
5	Đường Trần Hưng Đạo	1	Quốc lộ 1A	Đường Lý Thường Kiệt	3.200
		2	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trung Trực	2.000
6	Đường Lý Thường Kiệt	1	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30/4	2.800
7	Quốc lộ 1A	1	Cầu Xẻo Tra	Hết ranh đất UBND huyện	3.000
		2	Giáp ranh đất UBND huyện	Đầu Hẻm 10	2.000
		3	Đầu Hẻm 10	Hẻm 12	1.600
		4	Hẻm 12	Ngã 3 đường 937B	1.500
		5	Ngã 3 đường 937B	Cầu Nàng Rền	1.100
8	Đường cấp công Viên	1	Đầu ranh đất ông Nguyễn Ngọc Vinh	Hết ranh đất ông Lâm Phước Tài	2.000
9	Đường 30/4	1	Quốc lộ 1A	Đường Nguyễn Trung Trực	3.500
		2	Đ. Nguyễn Trung Trực	Cầu 30/4	3.100
		3	Cầu 30/4	Hết ranh đất ông Võ Thành Lực	800
10	Lộ Rẫy Mới	1	Giáp ranh đất ông Võ Thành Lực	Giáp ranh thị trấn Hưng Lợi	300
11	Đường Điện Biên Phủ	1	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30/4	2.200
12	Đường Lý Tự Trọng	1	Quốc lộ 1A	Bệnh viện Đa khoa (cũ)	2.000
13	Đường Ngô Quyền	1	Cầu Phú Lộc	Đường Nguyễn Trung Trực	1.800
		2	Đường Nguyễn Trung Trực	Cuối đường (Miếu Bà)	1.000
14	Đường Nguyễn Huệ	1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Thanh Trị	3.000
15	Đường Nguyễn Trung Trực	1	Đường Nguyễn Huệ	Đường 30/4	2.700
16	Đường Trần Văn Bảy	1	Đầu đường Trần Văn Bảy	Giáp đường Huyện 64	2.000

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
17	Đường Cách Mạng Tháng 8	1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh ấp Thạnh Điền	1.000
18	Đường Trần Phú	1	Suốt đường		1.800
19	Đường Huyện 64 (Huyện 1 cũ)	1	Đầu cầu Xẻo Tra	Giáp ranh cống Thái Văn Ba	600
		2	Giáp ranh cống Thái Văn Ba	Giáp ranh xã Tuân Tức	500
20	Đường Tỉnh 937B	1	Quốc lộ 1A	Cầu Trắng	1.100
21	Lộ ấp Phú Tân	1	Ranh xã Thạnh Quới	Giáp ranh xã Tuân Tức	400
22	Lộ ấp Bào Lớn	1	Cầu Bào Lớn	Giáp ranh xã Châu Hưng A, Bạc Liêu	500
23	Đường vành đai	1	Cầu 30/4	Đường Tỉnh 937B	2.500
24	Tuyến cấp sông (cấp Quốc lộ 1A)	1	Đầu ranh đất bà Lý Thị Hoài	Hết ranh đất ông Lâm Văn Đức	350
25	Lộ ấp Thạnh Điền	1	Cầu Bào Lớn	Giáp ranh xã Thạnh Quới	400
26	Đường đal cấp Nhà Văn hóa	1	Giáp Quốc lộ 1A	Đường Trần Văn Bảy	560
27	Hèm 1 (cầu Xẻo Tra)	1	Giáp Quốc lộ 1A	Đường Cách Mạng Tháng 8	560
28	Hèm 4 (cấp nhà bà Mai)	1	Suốt tuyến		560
29	Hèm 6 (cấp kênh Trạm thủy nông)	1	Giáp đường Nguyễn Huệ	Hết đất bà Trần Thị Phụng	500
30	Hèm 7 (cấp Huyện đội)	1	Giáp Quốc lộ 1A	Hết tuyến	600
31	Hèm 8 (cấp UBND huyện)	1	Suốt tuyến		650
32	Hèm 9 (cấp nhà ông Lai)	1	Giáp Quốc lộ 1A	Hết ranh đất Thái Phước Khai	600
33	Hèm 10	1	Giáp Quốc lộ 1A	Giáp đường Vành Đai	560
34	Hèm 11	1	Giáp Quốc lộ 1A	Chùa Phật	560
35	Hèm 12	1	Giáp Quốc lộ 1A	Giáp lộ Vành Đai	500
36	Hèm 13 (Cầu Đình)	1	Giáp Quốc lộ 1A	Hết ranh đất Quách Văn Tý	500
37	Đường số 2	1	Giáp đường 30/4	Đường Trần Hưng Đạo	2.200
38	Lộ đal (nhà ông Hòa)	1	Giáp đường 30/4	Hèm 8	600
39	Lộ đal (nhà ông Kiểm)	1	Giáp đường 30/4	Hèm 8	500
40	Lộ đal (cấp chùa Xa Mau 2)	1	Giáp Quốc lộ 1A	Giáp đường Vành đai	350
41	Lộ đal (cấp Huyện đội), thị trấn Phú Lộc	1	Giáp Quốc lộ 1A	Hết ranh đất ông Thắng	350
42	Lộ đal (cấp nhà ông Tây)	1	Giáp đường Huyện 64	Giáp đường Trần Văn Bảy	500
43	Lộ đal, thị trấn Phú Lộc	1	Đầu ranh đất lò heo ông Tháo	Giáp ranh ấp Trung Thành	500
44	Lộ ấp Công Điền	1	Giáp Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Châu Hưng A, Bạc Liêu	420
45	Lộ đal ấp Thạnh Điền	1	Suốt tuyến (cấp sông Phú Lộc)		300
46	Các tuyến đường còn lại	1	Đường đal còn lại thị trấn Phú Lộc		250
47	Lộ đal cấp Trạm thủy nông	1	Giáp Quốc lộ 61B	Giáp ranh xã Thạnh trị	500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
48	Đường khu dân cư ấp 2	1	Suốt tuyến		1.000
49	Lộ đal (phía sau nhà ông 2 Minh)	1	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Giáp đất Công viên	1.500
II	THỊ TRẤN HƯNG LỢI				
1	Đường Tỉnh 937B	3	Cầu Trắng	Cầu Cống	1.000
		2	Cầu Cống	Hết đất Phụng Văn Vện	1.400
		1	Giáp đất Phụng Văn Vện	Cầu Trương Từ	1.900
		1	Cầu Trương Từ	Hết ranh đất ông Lâm Văn Ngà	1.900
		4	Giáp ranh đất ông Lâm Văn Ngà	Cầu số 1	770
		5	Cầu số 1	Giáp ranh xã Châu Hưng	420
2	Lộ ấp Xóm Tro 1	1	Đầu ranh đất ông Đặng	Hết đất ông Trần Văn Hoàng (ông Hấu)	300
		1	Giáp ranh đất ông Trần Văn Hoàng (Ông Hấu)	Cầu Ông Kịch	300
		1	Đầu ranh đất ông Lâm Sĩ Tha	Hết ranh đất ông Tăng Kịch	250
		1	Đầu ranh đất Quách Thị Kim Sang	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Phúc	250
		1	Đầu ranh đất ông Tăng Nam	Hết ranh đất bà Sơn Thị Danh	300
		1	Đầu ranh đất Thạch Thị Sơn	Hết ranh đất Lý Thị Huỳnh	300
		1	Đầu ranh đất Thạch Cal	Hết ranh đất Thạch Khiêm	300
		1	Giáp đường Tỉnh 937B	Hết đất ông Dương Hoàng Đăng	600
		1	Từ Trạm cấp nước phía sau	Hết ranh đất Tô Nam Tin	600
		1	Đầu ranh đất Hàng Hel	Giáp kênh Thầy Ban	250
		1	Đầu kênh Bà Ngẫu	Hết đất ông Thạch Nhỏ	250
		1	Đầu ranh đất ông Danh Thoàng	Giáp ranh xã Châu Hưng	250
3	Huyện lộ 68 (lộ Kinh Ngay)	1	Vòng xuyên đường 937B	Hết ranh Trạm Y tế	2.100
		2	Từ ranh Trạm Y tế	Cổng bà Nguyễn Thị Lệ	1.500
		3	Giáp Cổng bà Nguyễn Thị Lệ	Cổng Sáu Chánh	850
		4	Giáp cổng Sáu Chánh	Giáp ranh xã Châu Hưng	650
		1	Đường Tỉnh 937B	Cầu bà Kía	1.850
		1	Đầu ranh đất ông Hấu (Lý Đông)	Hết ranh đất Tiêu Thanh Đức	1.850

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
4	Đường Chợ	2	Đầu ranh đất ông Lý Bạc Hó	Hết đất ông Ngô Ìa	900
		2	Đầu ranh đất ông Lý Hún	Cầu Trương Từ	900
		2	Đầu ranh đất Quách Hùng Thương	Hết ranh đất ông Trịnh Thành Công	900
5	Đường số 1	1	Đầu ranh đất ông Nguyễn	Hết ranh đất bà Đò	3.400
6	Đường số 2	1	Đầu ranh đất Bác sỹ Dũng	Hết ranh đất Quách Hưng Đại	2.500
7	Đường số 3	1	Đầu ranh đất Lý Phước Bình	Hết ranh đất Trần Ngọc Minh Thành	3.000
8	Đường số 4	1	Cầu Trương Từ	Hết ranh đất ông Hùng	3.200
9	Lộ ấp số 8	1	Giáp ranh đất ông Lâm Văn Ngà	Hết ranh đất ông Lý Mung	250
		1	Đầu ranh đất bà Lâm Thị Lêl	Hết ranh đất ông Lâm Hong	250
		1	Đầu ranh đất Trần Hoàng	Hết ranh đất Liêu Tên	250
		1	Đầu ranh đất Tấn Cang	Hết ranh đất ông Trịnh Phol	600
		1	Đầu ranh đất Vũ Văn Hoàng	Hết đất ông Tiền Buộl	1.000
		1	Đầu ranh đất ông Dương Phal	Hết đất Ngô Văn Thắng	600
		1	Giáp đường Tỉnh 937B	Hết đường đal nhà Thạch Phel	250
		1	Giáp đường Tỉnh 937B	Hết đất nhà máy Lý Khoa	600
		1	Cầu bà Kía	Hết đất nhà máy Lý Khoa	600
10	Lộ ấp số 9	2	Đầu ranh đất ông Nguyễn Minh Luận	Hết ranh đất ông Húa Đen	700
		1	Giáp ranh đất ông Húa Đen	Hết đất Nhà máy Kim Hưng	800
		3	Giáp ranh đất Nhà Máy Kim Hưng	Giáp ranh xã Thạnh Trị	400
		4	Giáp ranh đất ông Nguyễn Minh Luận	Hết ranh đất Lý Oi	250
		4	Đầu ranh đất Lý Oi	Giáp ấp 23 xã Thạnh Trị	250
		4	Giáp ranh đất Lý Oi	Hết ranh đất ông Danh Lợi	250
		4	Đầu ranh đất ông Sinh	Hết ranh đất ông Cậy	250
		4	Đầu ranh đất ông Lâm Liêm	Hết ranh đất ông Trần Quýt	250
11	Đường đal	1	Đầu ranh đất ông Trần Văn Út	Hết ranh đất ông Khel (giáp chùa)	250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
12	Đường cấp sông	1	Đường Tỉnh 937B	Hết đất Bành Thiệu Văn (ông Sô)	700
		1	Đầu ranh đất bà Lâm Thị Thủy	Hết ranh đất bà Lê ấp Kinh Ngay	700
13	Kinh Giồng Chùa	1	Đầu ranh đất ông Lý Chấn Thanh	Hết ranh chùa Lộc Hòa	700
		1	Giáp ranh đất ông Lý Chấn Thanh	Hết ranh đất Lâm Ngọc Giàu	700
14	Lộ Bào Cát - Quang Vinh	1	Giáp đường Tỉnh 937B	Hết ranh đất Võ Văn Hiền	400
		1	Giáp ranh đất Võ Văn Hiền	Hết ranh đất Bành Ghi	400
		1	Đầu ranh đất ông Trần Văn Bé	Giáp ranh Thị trấn Châu Hưng A - Bạc Liêu	400
15	Lộ Bào Cát	1	Giáp đường Tỉnh 937B	Giáp ranh thị trấn Phú Lộc	300
		1	Đầu ranh đất Phùng Văn Khương	Hết ranh đất ông Lê Văn Quang	300
16	Lộ đal Chợ Cũ - Xóm Tro	1	Đường Tỉnh 937B	Hết rang đất ông Hàng Hel	275
17	Lộ ấp Giồng Chùa (mới)	1	Giáp ranh thị trấn Phú Lộc	Hết ranh đất Quách Mứng	300
18	Khu tái định cư ấp số 9	1	Suốt tuyến		350
19	Lộ đal số 8, thị trấn Hưng Lợi	1	Cầu số 1	Hết đất nhà Tô Quệnh	300
20	Lộ đal ấp Xóm Tro	1	Đầu ranh đất ông Tăng Kịch	Giáp ranh xã Châu Hưng	300
21	Lộ ấp số 9	1	Đầu ranh đất ông Lâm Liêm	Hết ranh đất ông Trần Quýt	300
22	Lộ Xóm Tro 1	1	Đầu ranh đất Thạch Sa Rinh	Hết ranh đất ông Tô Vương	300
23	Các tuyến đường còn lại	1	Lộ đal còn lại thị trấn Hưng Lợi		250
24	Đường cấp Trạm Y tế	1	Giáp Huyện lộ 68	Hết tuyến	2.000
III	XÃ THANH TRỊ				
1	Quốc lộ 61B (đường Tỉnh 937)	KV1-VT1	Giáp ranh thị trấn Phú Lộc	Cầu Sa Di	1.800
		KV1-VT2	Cầu Sa Di	Giáp ranh xã Thanh Tân	600
2	Đường Huyện 61 (Huyện 5 cũ)	KV2-VT1	Giáp ranh xã Vĩnh Thành	Giáp Quốc lộ 61B	360
3	Đường Huyện 63 (Huyện 5 cũ)	KV1-VT3	Giáp ranh xã Tuấn Túc	Giáp Quốc lộ 61B	400
4	Lộ Rẫy Mới	KV2-VT3	Đầu Vàm Xáng (đầu ấp Rẫy Mới)	Giáp ranh thị trấn Hưng Lợi	270
5	Lộ kinh 8 thước	KV2-VT3	Cầu bà Nguyệt	Giáp ranh xã Thanh Tân	260

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
6	Lộ đai Ấp 22	KV2-VT3	Giáp Huyện lộ 61 (Huyện lộ 5 cũ)	Hết rang đất ông Nguyễn Văn Điệp	250
7	Lộ đal ấp Tà Lọt C - Mây Dóc	KV2-VT3	Giáp Huyện lộ 61 (Huyện lộ 5 cũ)	Huyện Lộ (hết ranh đất Mếu)	250
8	Lộ đal Mây Dóc	KV2-VT3	Cầu Trường học Mây Dóc	Cầu treo Mây Dóc	250
9	Lộ đal Mây Dóc	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Nguyễn Văn Cảnh	Giáp ranh xã Vĩnh Thành (hết ranh đất Lý Kel)	250
10	Lộ đal ấp Rẫy Mới	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Lý Sol	Hết ranh đất ông Lý Út	250
11	Lộ đal Rẫy Mới - Tà Niên	KV2-VT3	Đầu ranh đất Tô Phước Sinh	Hết ranh đất Nguyễn Văn Răng	250
12	Lộ đal ấp Tà Niên	KV2-VT3	Cầu ông Đoàn Văn Thắng	Cầu Mếu Tà Niên	250
13	Lộ đal Tà Điếp C1- Tà Điếp C2	KV2-VT3	Giáp Huyện lộ 61 (Huyện lộ 5 cũ)	Giáp ranh xã Thạnh Tân	250
14	Lộ đal ấp Tà Lọt A	KV2-VT3	Giáp Huyện lộ 61 (Huyện lộ 5 cũ)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đàm	250
15	Lộ đal ấp Tà Lọt C	KV2-VT3	Đầu ranh đất Nguyễn Văn Thành	Hết ranh đất ông Lê Văn Toàn	250
16	Lộ đal ấp Trương Hiền	KV2-VT3	Suốt tuyến		250
17	Các tuyến đường còn lại	KV2-VT3	Lộ đal còn lại xã Thạnh Trị		200
IV	XÃ TUẦN TỨC				
1	Đường Huyện 64 (Huyện 1 cũ)	KV2-VT2	Giáp ranh Phú Lộc	Hết ranh đất Trường THCS Tuần Tức	330
		KV2-VT1	Giáp ranh đất Trường THCS Tuần Tức	Hết đất Nhà máy Lai Thành	370
		KV2-VT3	Giáp ranh Nhà máy Lai Thành	Giáp ranh xã Thạnh Tân	250
2	Đường Huyện 63 (Huyện 5 cũ)	KV2-VT1	Giáp ranh xã Thạnh Trị	Hết đất nhà Lý Sà Rưng	370
		KV2-VT2	Đầu ranh đất Lý Sà Rưng	Giáp ranh xã Lâm Tân	300
3	Đường Huyện 61 (Huyện 2 cũ)	KV2-VT2	Đầu ranh đất ông Lý Ứng	Giáp ranh xã Lâm Tân	300
4	Lộ ấp Trung Thành	KV2-VT3	Kênh 10 Quơn	Giáp ranh thị trấn Phú Lộc	250
5	Lộ ấp Trung Hòa	KV2-VT1	Cầu Tuần Tức	Hết ranh nhà sinh hoạt cộng đồng	390
		KV2-VT2	Giáp ranh Nhà sinh hoạt cộng đồng	Hết ranh đất Thạch Hưng	300
		KV2-VT2	Đầu ranh đất Nhà Dương Lê	Cầu Thanh niên	300
		KV1-VT3	Đầu ranh đất ông Lý Cuội (Giáp Đường Huyện 63)	Cầu Chùa Mới Trung Hoà (kênh Trường học Trung Hòa)	450
6	Lộ Trung Hòa - Trung Bình	KV2-VT2	Giáp ranh đất ông Lý Cuội	Cầu Chợ Mới Trung Bình	300
7	Lộ đal ấp Trung Thành	KV2-VT3	Giáp ranh ấp Phú Tân	Hết ranh đất Miếu Ông Tà	250



STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
8	Các tuyến đường còn lại	KV2-VT3	Lộ đal còn lại xã Tuần Túc		200
V	XÃ VĨNH LỢI				
1	Đường Tỉnh 937B	KV2-VT2	Giáp ranh xã Vĩnh Thành (Tư duyên)	Hết ranh đất Sân bóng	450
		KV1-VT3	Giáp ranh đất Sân bóng	Cầu Chợ	600
		KV1-VT2	Cầu Chợ	Hết ranh đất ông Trần Văn Dự	800
		KV2-VT1	Giáp ranh đất ông Trần Văn Dự	Kênh Nàng Rền	500
		KV2-VT2	Kênh Nàng Rền	Cầu Bờ Tây (Mỹ Bình)	450
2	Khu Chợ	KV1-VT1	Cầu Chợ	Cầu Miếu	650
		KV1-VT3	Cầu Miếu	Hết đất ông Trần Ánh Ốc	500
		KV1-VT2	Cầu Thanh niên	Giáp đường Tỉnh 937B	600
3	Đường Huyện 61 (Huyện lộ 5 cũ)	KV1-VT2	Đầu ranh đất ông Bì	Giáp cầu xã Vĩnh Thành	600
4	Huyện Lộ 68	KV2-VT1	Giáp ranh Mỹ Quới (đầu ranh đất ông Khẩn)	Giáp cầu Ấp 13 - Châu Hưng	480
5	Huyện Lộ 67	KV2-VT1	Từ lò Rạch	Hết ranh đất ông Sáu Chính	480
6	Lộ đal Ấp 16/2	KV2-VT2	Đầu ranh đất ông Trần Ánh Ốc	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Liêm	330
7	Lộ Ấp 16/2-13	KV2-VT2	Cầu Bờ Tây	Hết ranh đất Ông Khẩn	330
8	Lộ Ấp 16/2	KV2-VT2	Cầu Bờ Tây	Hết đất ông Thắng Ấp 16/2	350
9	Lộ đal Ấp 15	KV1-VT2	Đầu ranh đất Trần Văn Hùng	Hết ranh đất ông Thái Xe	600
		KV1-VT2	Đầu ranh đất ông Trần Văn Đạt	Kênh Nàng Rền	600
		KV2-VT2	Đầu ranh đất ông Sang	Cầu Tây Nhỏ	350
10	Các tuyến đường còn lại	KV2-VT3	Lộ đal còn lại xã Vĩnh Lợi		200
VI	XÃ VĨNH THÀNH				
1	Đường Huyện 61 (Huyện lộ 5 cũ)	KV1-VT2	Đầu ranh đất ông Nguyễn Văn Đứng	Hết ranh đất bà Muối	520
		KV1-VT3	Giáp ranh đất Bà Muối	Hết đất bà Lê Thị Nhung	360
		KV1-VT2	Giáp ranh đất bà Lê Thị Nhung	Hết ranh đất ông Thái	520
		KV2 -VT1	Giáp ranh đất ông Thái	Cầu Thanh Niên (ranh xã Thạnh Trị)	330
2	Đường Tỉnh 937B	KV1-VT3	Giáp ranh thị trấn Châu Hưng	Cầu Tây Nhỏ	420
3	Các tuyến đường còn lại	KV2-VT3	Lộ đal còn lại xã Vĩnh Thành		200

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
VII	XÃ THẠNH TÂN				
1	Quốc lộ 61B (đường Tỉnh 937)	KV1-VT3	Giáp ranh xã Thạnh Trị	Hết ranh đất Trường THCS	600
		KV1-VT2	Giáp ranh đất Trường THCS	Cầu 14/9	700
		KV1-VT3	Cầu 14/9	Cầu Ông Tàu (giáp thị xã Ngã Năm)	600
2	Đường Huyện 64 (Huyện 1 cũ)	KV2-VT2	Đầu ranh đất bà Liêu Thị Sa Ma Lay	Giáp ranh xã Thuận Túc	300
3	Đường Huyện 61 (Huyện 2 cũ)	KV2-VT2	Đầu ranh đất ông Lâm Hữu Thống	Giáp ranh xã Thuận Túc	300
4	Huyện lộ 61	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Bùi Minh Huệ	Giáp ranh xã Thạnh Trị	250
5	Lộ A2 - Tân Thắng	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Thạch Sốc	Giáp ranh xã Lâm Tân	250
6	Lộ 14/9	KV2-VT3	Cầu 14/9	Giáp ranh xã Lâm Tân	250
7	Lộ B1- A2- 21	KV2-VT3	Cầu treo	Giáp ranh Tân Long	250
8	Lộ đal (xóm cá)	KV2-VT3	Đầu đất chùa Vĩnh Phước	Cầu bà Nguyệt	250
9	Lộ đal (xóm lá)	KV2-VT3	Cầu 8 Trường	Cầu Treo kênh 8m	250
10	Lộ đal (Ngọn Tà Âu)	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông 5 Quanh	Hết ranh đất Nông Trường Công An	250
11	Lộ đal Cái Trầu	KV2-VT3	Cầu Lác Chiếu	Giáp ranh xã Lâm Tân	250
12	Lộ kênh 8 mét	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Bùi Minh Huệ	Giáp ranh xã Thạnh Trị	250
13	Lộ đal 5 Hạt - 26/3	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Phong	Hết ranh đất ông Phạm Anh Hùng	250
14	Lộ 9 Sạn	KV2-VT3	Đầu ranh đất Bùi Văn Kiệt	Cầu 10 Cóc	250
15	Các tuyến đường còn lại	KV2-VT3	Lộ đal còn lại xã Thạnh Tân		200
VIII	XÃ LÂM KIẾT				
1	Đường Tỉnh 940	KV2-VT1	Giáp ranh xã Thạnh Phú (cũ)	Cổng Thuận Túc	400
		KV2-VT1	Giáp ranh xã Thạnh Phú (mới)	Giáp ranh xã Mỹ Thuận (Mỹ Tú)	400
		KV2-VT1	Cổng Sa Keo	Giáp ranh xã Mỹ Thuận (Mỹ Tú)	400
2	Khu vực Xóm Phố	KV1-VT2	Đầu đất chùa Trà É	Hết đất chợ Lâm Kiết	720
3	Khu dân Cư	KV2-VT1	Đầu ranh đất Lý Kêu	Hết đất bà Thạch Thị Huyền	400
4	Trung tâm xã	KV1-VT3	Đầu ranh đất Trạm Y Tế	Hết đất Bà Thạch Thị Ql	450
5	Đường Huyện 61 (Huyện 5 cũ)	KV2-VT2	Đầu đường Huyện 61	Giáp ranh xã Lâm Tân	360

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
6	Đường liên xã	KV2-VT3	Đầu ranh đất Lý Ngọc Khai	Hết ranh đất Lâm Thái	290
7	Lộ đal Kiết Bình	KV2-VT3	Đường Tỉnh 940	Giáp ranh xã Lâm Tân	250
		KV2-VT3	Cổng Sa Keo	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nhiều	250
8	Lộ đal ấp Kiết Hoà	KV2-VT2	Cổng Cái Trầu	Hết đất ông Chín Ấm	300
9	Lộ đal ấp Lợi	KV2-VT2	Đầu ranh đất ông Trần Minh	Hết đất ông Lý Chêl	300
10	Lộ đal ấp Trà Do	KV2-VT2	Cầu Trà Do	Hết đất bà Lý Thị Nol	300
11	Lộ ấp Kiết Lợi	KV1-VT3	Đoạn cầu Xóm Phổ	Hết đất ông Khuru Trái Thia	480
		KV2-VT2	Đầu ranh đất ông Quét	Hết ranh đất bà Trang	300
12	Lộ Kiết Thắng	KV2-VT3	Cầu Kiết Thắng	Hết ranh đất ông Đặng	250
13	Đoạn nối Đường 940 (Huyện lộ 60, 61)	KV2-VT1	Giáp đường Tỉnh 940	Cầu nhà ông Lý Kêu	360
		KV2-VT2	Đầu ranh đất bà Trang	Giáp ranh xã Lâm Tân	300
14	Các tuyến đường còn lại	KV2-VT3	Lộ đal còn lại xã Lâm Kiết		200
IX	XÃ LÂM TÂN				
1	Huyện lộ 61 (Huyện 2 cũ)	KV2-VT2	Giáp ranh xã Tuấn Tứ	Kênh Mương Điều Chắc Tứ	300
		KV2-VT1	Kênh Mương Điều Chắc Tứ	Kênh rạch Trúc	320
		KV2-VT2	Kênh rạch Trúc dọc theo Huyện lộ 61 ấp Kiết Nhất B	Giáp ranh xã Lâm Kiết	300
2	Huyện lộ 63 (Huyện 5 cũ)	KV2-VT2	Giáp ranh xã Tuấn Tứ	Giáp ranh xã Lâm Kiết	300
3	Huyện lộ 62	KV2-VT2	Giáp Huyện lộ 61	Giáp ranh xã Thạnh Quới	300
4	Lộ kênh 14/9	KV2-VT3	Suốt tuyến		250
5	Các tuyến đường còn lại	KV2-VT3	Lộ đal còn lại xã Lâm Tân		200
X	XÃ CHÂU HƯNG				
1	Huyện lộ 68	KV1-VT1	Giáp ranh thị trấn Hưng Lợi	Cầu 7 Âm	600
		KV1-VT3	Cầu 7 Âm	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	480
2	Đường Tỉnh 937B	KV2-VT3	Giáp ranh TT Hưng Lợi	Giáp ranh xã Vĩnh Thành	420
3	Lộ đal ấp Tàn Dù	KV2-VT3	Cầu ông Teo	Hết ranh đất ông Đương	250
4	Lộ đal ấp Tàn Dù (2 Si)	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Khởi	Hết ranh đất ông Ba Đóm	250
5	Lộ đal ấp Tàn Dù (6 Huỳnh)	KV2-VT3	Cầu ông Chuối	Hết ranh đất ông Hó	250
6	Lộ đal ấp Tàn Dù	KV2-VT3	Cầu ông 3 Chuối	Giáp lộ Xóm Tro 2	250
7	Lộ đal ấp Tàn Dù	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Nguyễn Văn Sáu	Hết đất bà Nguyễn Thị Thương	250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
8	Lộ đal ấp Tàn Dù - Tràm Kiến	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Trịnh Văn Dũng	Hết đất nhà ông Liêm (cầu ông Liêm)	250
9	Lộ đal Kinh Ngay 2	KV2-VT3	Cầu Kinh Ngay 2	Hết ranh đất ông Teo	300
10	Lộ đal Kinh Ngay 2 - Tràm Kiến, xã Châu Hưng	KV2-VT3	Đầu ranh đất Trường TH Châu Hưng 1	Cầu Việt Mỹ (ông Tuyên)	250
11	Lộ đal ấp Kinh Ngay 2 - Xóm Tro 2- Quang Vinh	KV2-VT3	Cầu Việt Mỹ (ông Tuyên)	Ngã tư Quang Vinh	250
12	Lộ đal ấp Kinh Ngay 2 - Xóm Tro 2	KV2-VT3	Cầu Kinh Ngay 2	Cầu Trường TH Xóm Tro 2	250
		KV2-VT3	Cầu Xóm Tro 2	Giáp ranh tỉnh Bạc Liêu	250
13	Lộ đal ấp Kinh Ngay 2 - 23	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Phong	Đường Tỉnh 937B	250
14	Lộ Kinh Ngay 2 - Tràm Kiến	KV2-VT3	Cầu Kinh Ngay 2	Cầu ông Hó	300
15	Lộ Kinh Ngay 2 - Ấp 23, xã Châu Hưng	KV2-VT3	Cầu Nam Vang	Hết đất ông Điền Muôn	360
		KV2-VT3	Cầu Bà Cục	Giáp Tỉnh lộ 937B	250
16	Lộ đal Ấp 13	KV2-VT3	Đầu ranh đất Út Hòa (Tám Luyến)	Hết đất ông Út Phước	250
		KV2-VT3	Cầu Ba Tèo	Giáp đất ông Út Phước	250
		KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Hùng	Hết ranh đất ông Tư Nhơn	250
17	Lộ đal 13	KV2-VT3	Huyện lộ 68	Giáp đất ông Út Phước	250
18	Lộ đal 13 - Chí Hùng	KV2-VT3	Cầu ông Long	Hết đất ông Hai Cơ	250
19	Lộ đal 13 - 23	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Chín Kiệt	Cuối đường	250
20	Lộ 23 - Bà Bện	KV2-VT3	Giáp cầu 23	Cuối đường	250
21	Kênh Bào Sen (Bờ Nam)	KV2-VT3	Ngã tư Quang Vinh	Hết ranh đất Phan Văn Lâm	250
22	Lộ đal ấp Quang Vinh	KV2-VT3	Ngã tư Quang Vinh	Hết ranh đất ông Bành Phong	250
23	Lộ đal ấp Tràm Kiến	KV2-VT3	Cầu Bảy Âm	Cầu Mễu ấp 13	250
24	Các tuyến đường còn lại	KV2-VT3	Lộ đal còn lại xã Châu Hưng		200
H	HUYỆN LONG PHÚ				
I	THỊ TRẤN LONG PHÚ				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu (tên cũ: đường Nam Sông Hậu)	2	Giáp ranh xã Long Đức	Ngã 3 bến phà	550
		1	Ngã 3 bến phà	Giáp ranh xã Long Phú	650
2	Đường Tỉnh 933	1	Cầu Khoan Tang	Hết ranh đất nghĩa trang liệt sĩ huyện	2.800
		2	Giáp ranh đất nghĩa trang liệt sĩ huyện	Đường Huyện 27	2.100
		3	Đường Huyện 27	Giáp ranh xã Tân Hưng	1.500

SỐ C T P.

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
3	Đường Tỉnh 933C	1	Đường nối đường tỉnh 933 với đường Tỉnh 933C và ranh đất bà Trần Thị Cúc (thửa 89, tờ bản đồ 48)	Kênh Hai Bào	2.700
		2	Kênh Hai Bào	Giáp ranh xã Long Phú	1.500
4	Đường Huyện 27	1	Cầu qua sông Bào Biền	Đường Tỉnh 933	500
5	Đường nối đường Tỉnh 933 với đường Tỉnh 933C	1	Đường Đặng Quang Minh	Cầu Băng Long (Cầu mới)	2.600
		2	Cầu Băng Long (Cầu mới)	Đường Tỉnh 933C	2.500
6	Đường Đoàn Thế Trung	2	Cầu Băng Long (Cầu chợ)	Đường nối đường Tỉnh 933 với đường Tỉnh 933C và hết ranh đất bà Trần Thị Cúc (thửa 89, tờ bản đồ 48)	3.200
		1	Cầu Băng Long (Cầu chợ)	Cầu Khoan Tang	3.600
7	Đường Đặng Quang Minh	1	Vòng xoay Ngã 3 Huyện ủy (giao đường Đoàn Thế Trung)	Qua Ngã ba Chín Đô đến cầu Long Phú mới	3.000
		2	Ngã Ba Chín Đô	Kênh Năm Nhạo	2.200
		3	Kênh Năm Nhạo	Quốc lộ Nam Sông Hậu	1.800
8	Đường Lương Định Của	5	Ngã 3 Chín Đô	Cổng bà Bảy Vườn	1.750
		4	Cổng bà Bảy Vườn	Ngã 3 Đình Năm ông	2.200
		1	Ngã 3 Đình Năm ông	Ngã 4 chợ	3.300
		2	Ngã 4 chợ	Hẻm cặp nhà ông Ba Mìn	3.200
		3	Hẻm cặp nhà ông Ba Mìn	Cầu Tân Lập	2.600
9	Đường Nguyễn Trung Trực	1	Ngã 3 giáp đường Đặng Quang Minh	Cầu Ba Tre (hết ranh đất Trại quản lý thủy nông)	1.200
		2	Cầu Ba Tre	Quốc lộ Nam Sông Hậu (Áp 2)	800
10	Hẻm đường Nguyễn Trung Trực	1	Đầu đất ông Chín Nghiệp	Suốt tuyến	300
		2	Đầu đất ông Bảy Nam	Giáp lộ Nam Sông Hậu	250
11	Các tuyến lộ đal Áp 1	1	Đường vào Đình Nguyễn Trung Trực	Suốt tuyến	350
		1	Đường vào Ban Chỉ huy Quân sự huyện	Suốt tuyến	270
12	Đường xuống bến phà Long Phú đi Đại Ân 1	1	Giao đường vào Ban Chỉ huy Quân sự huyện	Suốt tuyến	350
13	Đường đal cặp sông Băng Long (Áp 4)	1	Cầu Băng Long (chợ)	Cầu Tân Lập	2.300
		3	Cầu Tân Lập	Cầu Khoan Tang	900
		2	Cầu Băng Long (chợ)	Cầu qua chùa Hải Long Phước	960